

## PHIẾU ÔN TẬP TOÁN GIỮA KÌ 1 LỚP 5

**Bài 1:** Hỗn số  $3\frac{2}{5}$  viết dưới dạng phân số là:

A.  $\frac{17}{5}$

B.  $\frac{15}{5}$

C.  $\frac{6}{5}$

D.  $\frac{5}{17}$

**Bài 2:** a) Phần nguyên của số 9042,54 là :

A. 54

B. 904254

C. 9042

D. 9042,54

b) Chữ số 5 trong số thập phân 9042,54 có giá trị là ?

A. Phần triệu

B. Phần trăm

C. Phần mười

D. Phần nghìn

**Bài 3:**  $7\text{cm}^2 90\text{mm}^2 = \dots\dots\dots\text{cm}^2$  số thích hợp viết vào chỗ chấm là:

A. 79

B. 7,9

C. 790

D. 7900

**Bài 4:** Chiều dài  $\frac{4}{5}\text{m}$ , chiều rộng  $\frac{1}{2}\text{m}$ . Chu vi của một hình chữ nhật là.

A.  $\frac{5}{7}\text{m}$

B.  $\frac{10}{7}\text{m}$

C.  $\frac{13}{5}\text{m}$

D.  $\frac{13}{10}\text{m}$

**Bài 5:** Điền dấu  $< ; > ; =$  ; thích hợp vào chỗ chấm:

a)  $3,025 \dots 2,075$

b)  $56,009 \dots 56$

c)  $42\text{dm}4\text{cm} \dots 424\text{cm}$

d)  $9,01\text{kg} \dots 9010\text{g}$

**Bài 6:** Chuyển các phân số sau thành phân số thập phân: a.  $\frac{32}{40} =$  b.  $\frac{5}{20} =$

**Bài 7:** Viết các phân số sau theo thứ tự từ lớn đến bé:  $\frac{5}{18} ; \frac{4}{3} ; \frac{5}{6}$

A.  $\frac{5}{18} ; \frac{5}{6} ; \frac{4}{3}$

B.  $\frac{4}{3} ; \frac{5}{18} ; \frac{5}{6}$

C.  $\frac{5}{18} ; \frac{4}{3} ; \frac{5}{6}$

D.  $\frac{4}{3} ; \frac{5}{6} ; \frac{5}{18}$

**Bài 8:** Sáu mươi bốn đơn vị, một phần mười, tám phần trăm được viết là?

A. 64,18

B. 64,108

C. 6,018

D. 64,0108

**Bài 9:** Phân số  $\frac{35}{100}$  viết dưới dạng số thập phân là:

A. 0,035

B. 0,35

C. 3,05

D. 3,5

**Bài 10:** Phần nguyên của số 632,54 là :

A. 54

B. 63254

C. 632

D. 632,54

**Bài 11:** Chữ số 5 trong số thập phân 487,54 có giá trị là ?

A. Phần mười

B. Phần trăm

C. Phần triệu

D. Phần nghìn

**Bài 12:**  $7\text{cm}^2 2\text{mm}^2 = \dots\dots\dots\text{cm}^2$  số thích hợp viết vào chỗ chấm là:

A. 7,2

B. 720

C. 7,02

D. 7200

**Bài 13:** Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 1,5 tấn = .....kg

b)  $5000\text{m}^2 = \dots\dots\dots$  ha

**Bài 14:** Viết các số thập phân sau theo thứ tự từ bé đến lớn:

34,075;    34,257;    37,303;    34,175

**Bài 15:** Khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng nhất

a) Số thích hợp viết vào ô trống  $3,95 \square 2 < 3,9512$  là:

A. 2

B. 1

C. 0

D. 3

b) Cho số đo 68,653m chữ số 5 có giá trị là:

A. 5m

B.  $\frac{5}{10}$  m

C.  $\frac{5}{100}$  m

D.  $\frac{5}{1000}$  m

**Câu 16:** Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

5 tấn 75 kg = .....kg.

$3\text{m}^2 25\text{cm}^2 = \dots\dots\dots\text{cm}^2$ .